

QUY ĐỊNH

**Về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019
của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn*) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của Pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Áp dụng quy định theo Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Chương II

**CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ,
LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**

Điều 4. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Áp dụng quy định theo Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 5. Công nhận/thu hồi nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ, trình tự đề nghị xét công nhận/thu hồi

Áp dụng quy định theo Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Thời gian xét công nhận/thu hồi

Hàng năm Hội đồng xét công nhận/thu hồi cấp tỉnh tổ chức xét công nhận/thu hồi một lần. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát hoàn chỉnh và gửi hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 9. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra các ngành nghề đề nghị công nhận/thu hồi và hoàn chỉnh hồ sơ. Sau đó, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh xét công nhận trong tháng 10 hàng năm.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

Áp dụng quy định theo Khoản 7 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 6. Thành lập Hội đồng xét công nhận

Thành phần Hội đồng xét công nhận gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Tỉnh - Chủ tịch Hội đồng.
2. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó Chủ tịch Hội đồng.
3. Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh - Ủy viên.

4. Lãnh đạo các Sở: Công Thương; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức họp, xét hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 8. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng. Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên

Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp.

2. Kỳ họp đánh giá xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự.

3. Hội đồng xét công nhận thông qua hình thức biểu quyết và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 2/3 ý kiến thống nhất trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

4. Hội đồng chỉ xem xét các hồ sơ của các tổ chức, cá nhân lập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Các trường hợp hồ sơ không lập đúng nội dung, trình tự và thời gian thì Hội đồng không xem xét. Hội đồng xét công nhận phải có văn bản trả lời lý do không xem xét hồ sơ.

5. Hội đồng xét công nhận hàng năm được thành lập khi có yêu cầu của các tổ chức, cá nhân đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân Tỉnh ra Quyết định thành lập.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Điều 9. Mặt bằng sản xuất

Được hưởng chính sách về quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại Điều 32 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

Nội dung và mức chi di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch áp dụng theo điểm đ Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 231/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 10. Về đầu tư, tín dụng

Được hưởng các chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Được ưu tiên trong quá trình xét duyệt và cho vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/QĐ-TTg ngày 09/7/2015 của Thủ

tướng Chính phủ; Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo Thông tư số 03/2017/TT-BNTMT ngày 21/3/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các dự án bảo vệ môi trường theo quy định về tổ chức hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường.

Điều 11. Xúc tiến thương mại

Nội dung hỗ trợ: Áp dụng quy định theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Mức hỗ trợ:

- Cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại theo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia được hỗ trợ theo Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại.

- Cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP áp dụng mức hỗ trợ theo Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

Nguồn kinh phí và cơ chế hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; các chương trình, kế hoạch khuyến công, khuyến nông hàng năm của tỉnh.

Điều 12. Khoa học công nghệ

Cơ sở ngành nghề nông thôn khi thực hiện các hoạt động triển khai nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới và thực hiện các dịch vụ khoa học công nghệ thì được hưởng các ưu đãi theo Điều 9 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Các hoạt động khoa học và công nghệ khác thực hiện theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Đào tạo nhân lực

Nội dung, mức chi hỗ trợ đào tạo cho người làm nghề truyền thống, người làm nghề tại làng nghề, làng nghề truyền thống và người làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn: thực hiện theo quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009, Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ và những quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Các nghệ nhân trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được hỗ trợ kinh phí tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp, kỹ năng dạy học; được thù lao theo quy định khi tham gia đào tạo nghề nghiệp cho lao động nông thôn.

Khi nghệ nhân trực tiếp truyền nghề được thu tiền học phí của người học trên nguyên tắc thỏa thuận.

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách đảm bảo từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình dự án có liên quan và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Các nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Điều này hỗ trợ theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương IV QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 15. Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề

1. Chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Các Dự án, chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh ngoài kinh phí hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 còn được hỗ trợ theo Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 16. Hỗ trợ phát triển làng nghề

Làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Quy định này, ngoài ra còn được hưởng các chính sách địa phương như sau:

1. Hỗ trợ trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

a) Nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp bằng công nhận, được hỗ trợ: 10 triệu đồng/nghe truyền thống.

b) Làng nghề đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp bằng công nhận, được hỗ trợ: 30 triệu đồng/làng nghề.

c) Làng nghề truyền thống đạt tiêu chí theo quy định, được Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp bằng công nhận, được hỗ trợ: 40 triệu đồng/làng nghề truyền thống.

d) Cơ chế hỗ trợ bao gồm:

- Chi hỗ trợ để tổ chức lễ đón nhận bằng công nhận làng nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: không quá 30% kinh phí hỗ trợ.

- Chi hỗ trợ công hoặc biển quảng bá sản phẩm làng nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: từ 70% kinh phí hỗ trợ trở lên.

đ) Trường hợp đặc thù: xây cổng làng nghề chung đối với 2 làng nghề được công nhận trở lên:

- Trong trường hợp các làng nghề được công nhận có ngành nghề giống nhau, có đường trục chính và nơi đặt vị trí cổng làng chung thuận lợi cho cả 2 hay nhiều làng nghề thì Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các làng nghề trao đổi, thống nhất lập phương án xây cổng làng (thiết kế, dự toán kinh phí,...) trên cơ sở kinh phí hỗ trợ tại khoản 1 của Điều này và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Trường hợp làng nghề đã được công nhận, sau khi đủ các tiêu chí làng nghề truyền thống đề nghị được Ủy ban nhân dân Tỉnh công nhận làng nghề truyền thống thì hỗ trợ kinh phí để tổ chức Lễ đón nhận Bằng công nhận làng nghề truyền thống theo quy định.

e) Kinh phí hỗ trợ làng nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân Tỉnh công nhận từ nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chương trình, kế hoạch khuyến công, khuyến nông hàng năm của tỉnh.

2. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề

- Nội dung, nguyên tắc, nguồn vốn: Hỗ trợ thực hiện theo Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

- Định mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% trở lên đối với từng dự án cụ thể.

- Ngoài ra các làng nghề được khuyến khích phát triển được hưởng các chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và Điều 12 của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 113/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn.

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các Chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của các làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận của tỉnh, làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và đơn thư khiếu nại (nếu có).

Điều 18. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại địa phương.

2. Xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nguồn kinh phí bố trí trực tiếp thực hiện chính sách này, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí các chương trình, dự án khác và nguồn hỗ trợ từ các tổ chức để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng kinh tế thị xã, thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn. Hàng năm, rà soát các ngành nghề đạt các tiêu chí, lập danh sách đề nghị công nhận; xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn địa phương gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

4. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

Điều 19. Đề nghị Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan, các tổ chức xã hội tổ chức tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống thông qua các chương trình, dự án về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Quy định bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời thông tin gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng